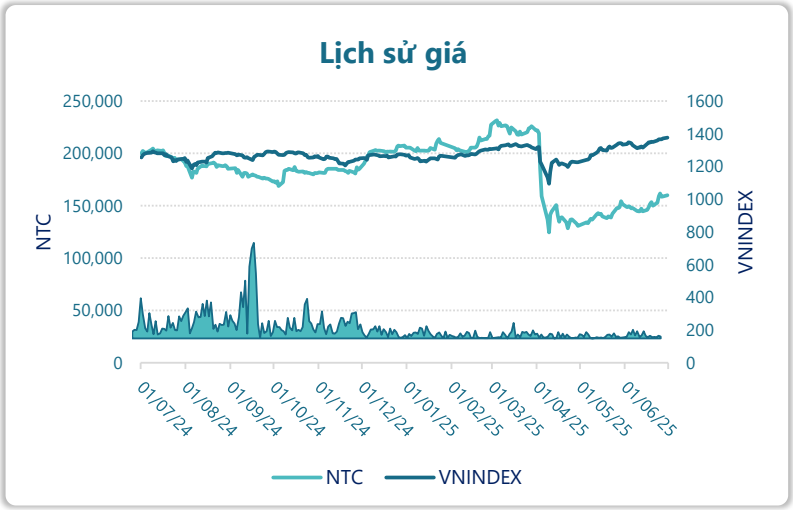
FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCOM: NTC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**165,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	231,613
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	124,492
SL cổ phiếu LH	23,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	44,600
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,979
P/E	11.2
EPS	14,765

DT thuần

Q2/25

143

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00| 6.9%

YoY: ▲ 76.0| 114%

LN sau thuế

Q2/25

99.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.7| 44.4%

YoY: ▲ 34.0| 51.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

85.1%

+/- YoY: ▼ 32.2%

DT thuần

6T 2025

277

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 153| 124%

LN sau thuế

6T 2025

169

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 38.0| 28.8%

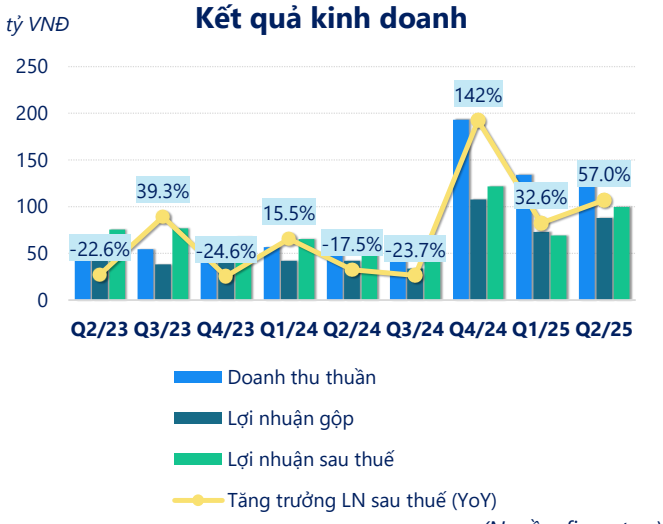
ROE

Q2/25

29.9%

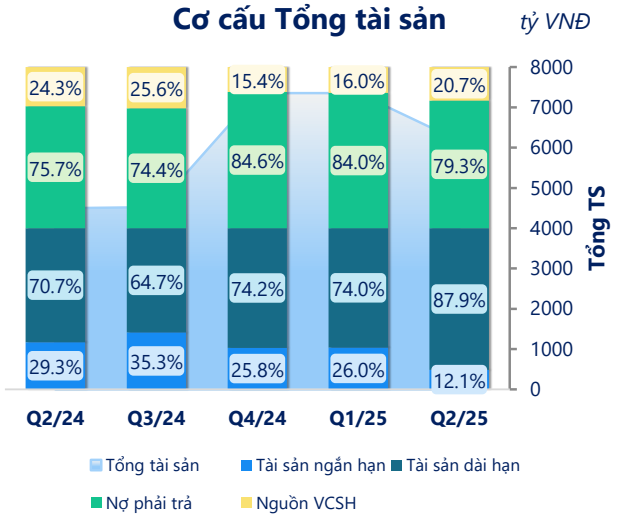
+/- YoY: ▲ 1.8%

Kết quả kinh doanh



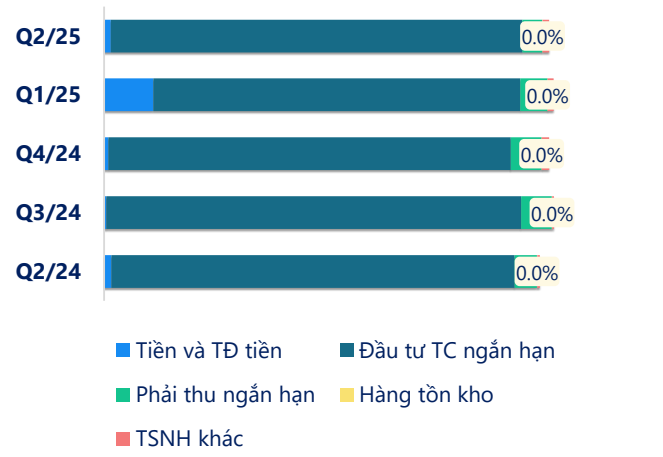
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



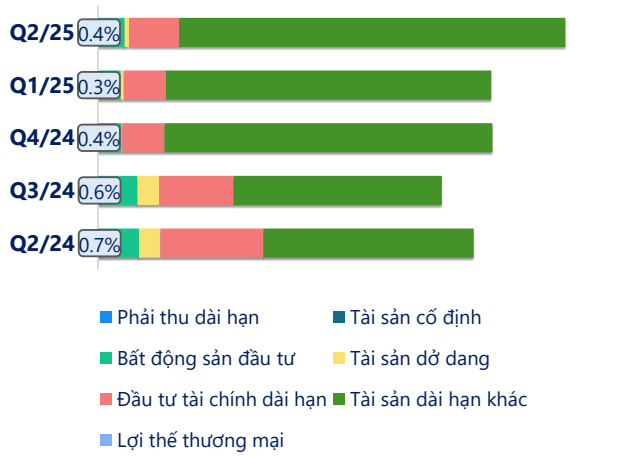
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



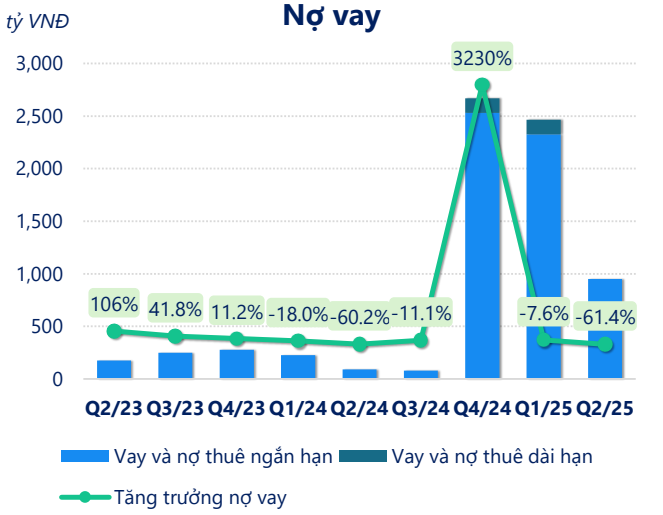
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



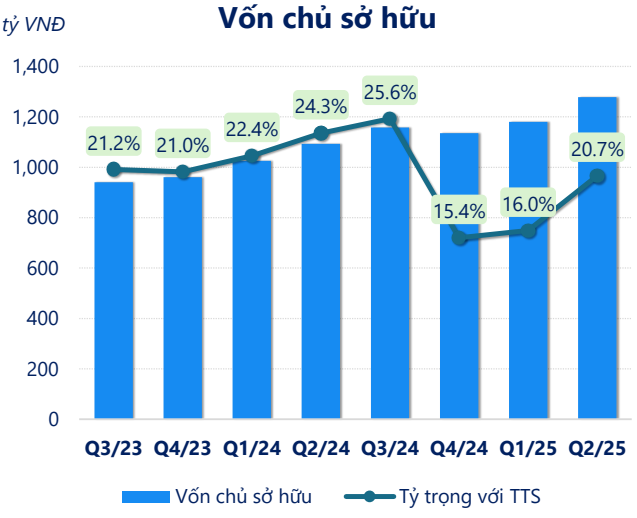
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



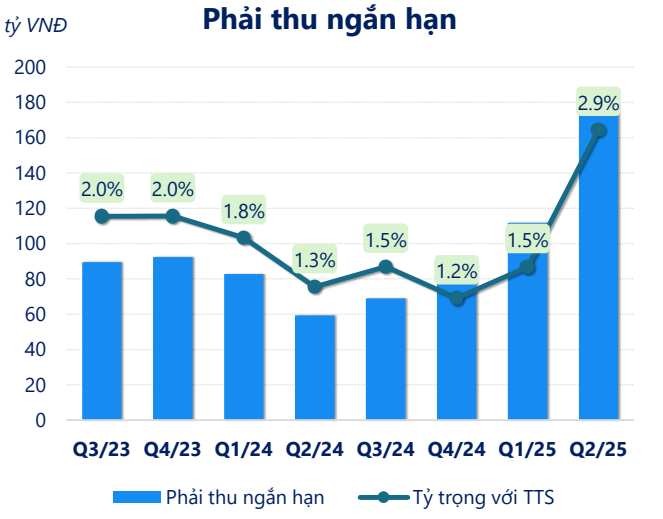
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



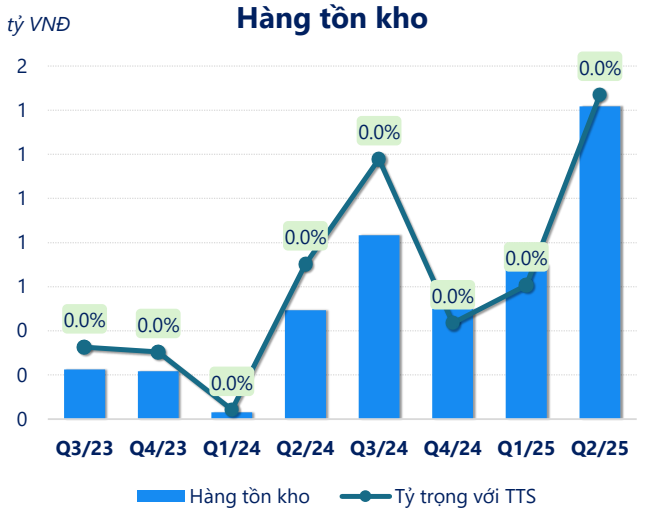
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



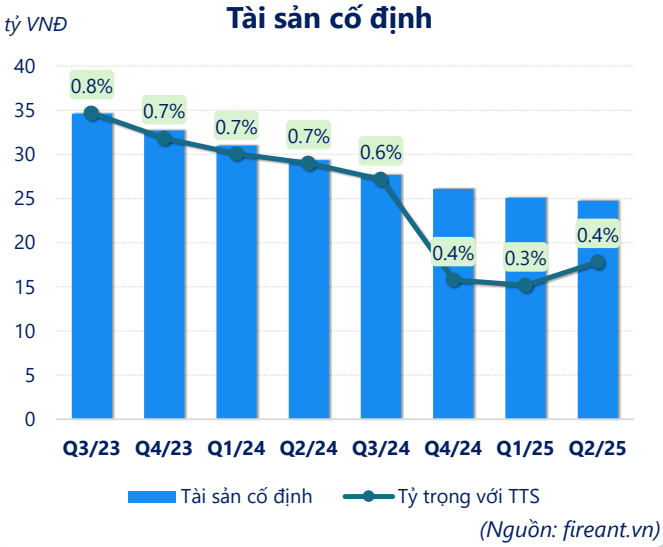
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



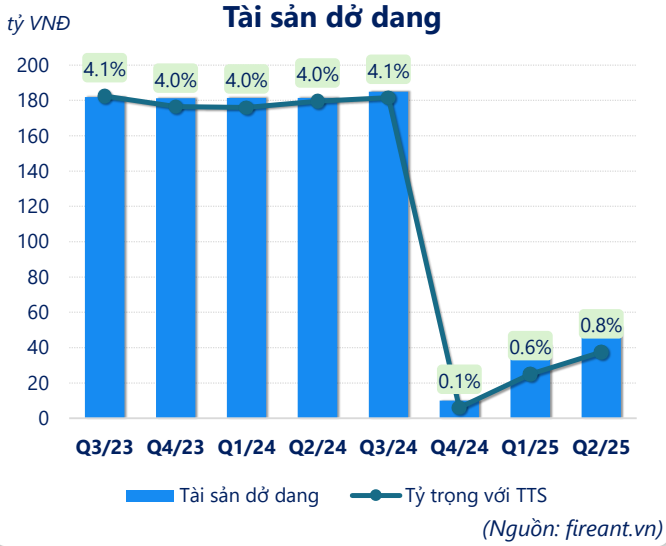
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



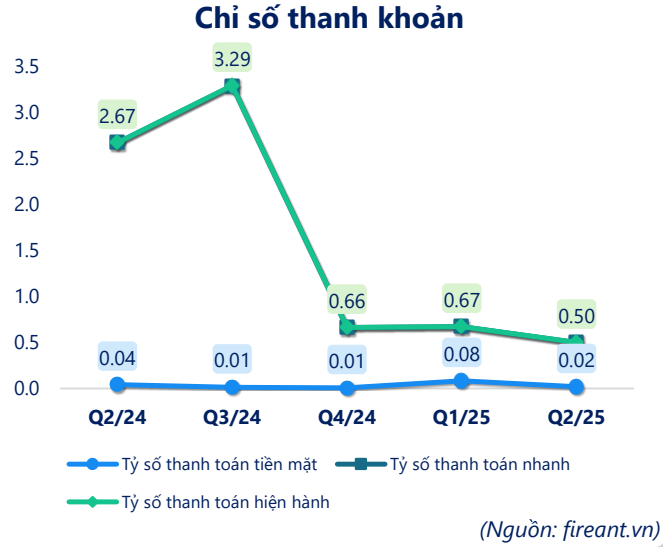
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



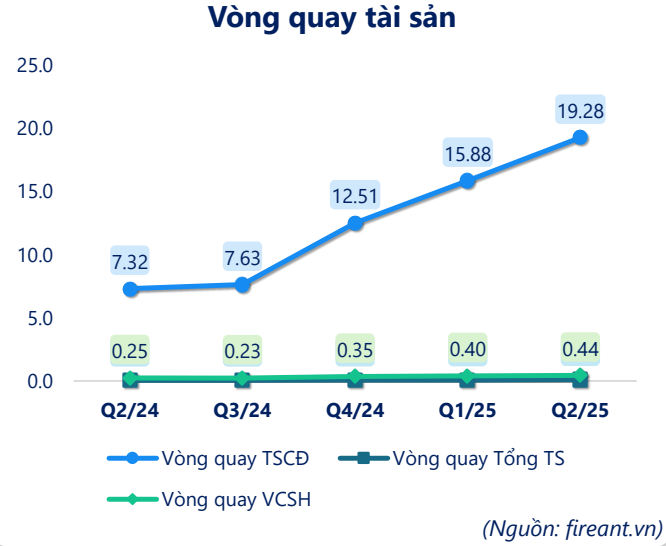
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**4,493**	**4,528**	**7,353**	**7,353**	**6,166**
Tài sản ngắn hạn	**1,318**	**1,598**	**1,898**	**1,914**	**748**
Tiền và tương đương tiền	21.4	6.52	20.2	238	27.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,217	1,512	1,779	1,542	535
Phải thu ngắn hạn	59.3	68.9	88.9	112	178
Hàng tồn kho	0.49	0.83	0.50	0.70	1.42
Tài sản ngắn hạn khác	19.6	9.91	9.59	22.0	5.97
Tài sản dài hạn	**3,175**	**2,929**	**5,455**	**5,439**	**5,419**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	29.3	27.7	26.1	25.1	24.8
Bất động sản đầu tư	316	308	300	291	283
Tài sản dở dang	181	185	9.94	41.5	51.9
Đầu tư tài chính dài hạn	870	635	583	583	582
Tài sản dài hạn khác	1,778	1,774	4,536	4,498	4,477
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,400**	**3,371**	**6,218**	**6,173**	**4,889**
Nợ ngắn hạn	**493**	**486**	**2,866**	**2,843**	**1,493**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.1	80.1	2,530	2,327	951
Phải trả người bán ngắn hạn	2.04	0.77	2.64	0.73	5.16
Nợ dài hạn	2,907	2,885	3,352	3,330	3,396
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	138	138	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,093**	**1,157**	**1,135**	**1,180**	**1,278**
Vốn chủ sở hữu	**1,093**	**1,157**	**1,135**	**1,180**	**1,278**
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)